

TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)

Trụ sở chính: Tầng 2 - tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028. 38 336 333

Fax : 028. 38 333 891

Người thực hiện công bố thông tin: **Bùi Mai Phương Thảo**

Địa chỉ : Tầng 2 – tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028. 38 336 333

Fax : 028. 38 333 891

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của DAS vào ngày 08/04/2021 tại đường dẫn: https://www.dag.vn/2021/4/das_cbtt-bao-cao-thuong-nien-nam-2020-55-1392.da

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2020 của DAS;
- Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của DAS.

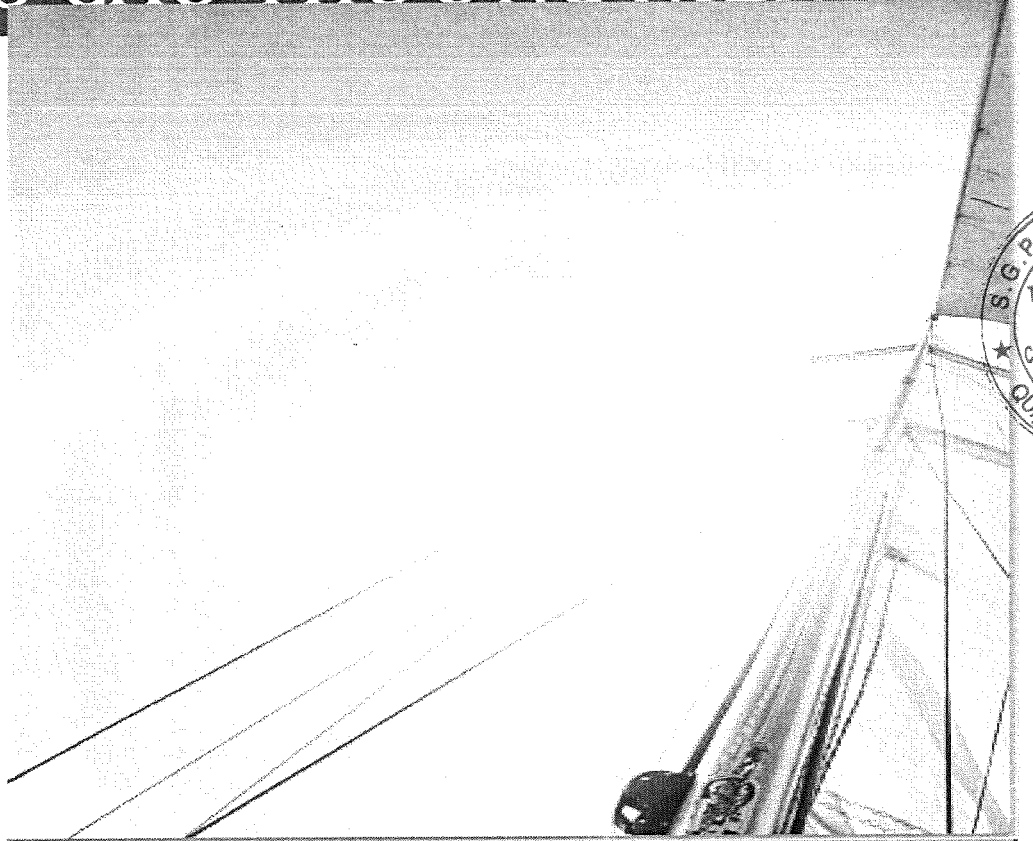
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



BÙI MAI PHƯƠNG THẢO

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM.
- Số điện thoại: (028) 38 336 333
- Số fax: (028) 38 333 891
- Website: www.dag.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003. Vốn điều lệ ban đầu của DAS là 21 tỷ đồng, do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

Ngày 13/09/2006, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS thành lập Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 574/QĐ-UBCK.

Ngày 05/10/2006, DAS tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Ngày 21/11/2007, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS thành lập Chi nhánh Đông Sài Gòn theo Quyết định số 640/QĐ-UBCK.

Ngày 12/05/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, theo Giấy phép số 128/UBCK-GP.

Ngày 22/01/2015, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS di dời trụ sở chính đến Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM theo Quyết định số 06/GPĐC-UBCK, thay đổi tên và địa chỉ Chi nhánh Đông Sài Gòn thành Chi nhánh Sài Gòn địa chỉ 60, 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM theo Quyết định số 54/QĐ-UBCK.

Ngày 31/12/2015, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCKNN.

Ngày 28/09/2020, UBCKNN đã chấp thuận Ông Lương Ngọc Quý – Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của DAS theo Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK.

Ngày 31/12/2020, UBCKNN đã chấp thuận Ông Nguyễn An – Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của DAS theo Giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

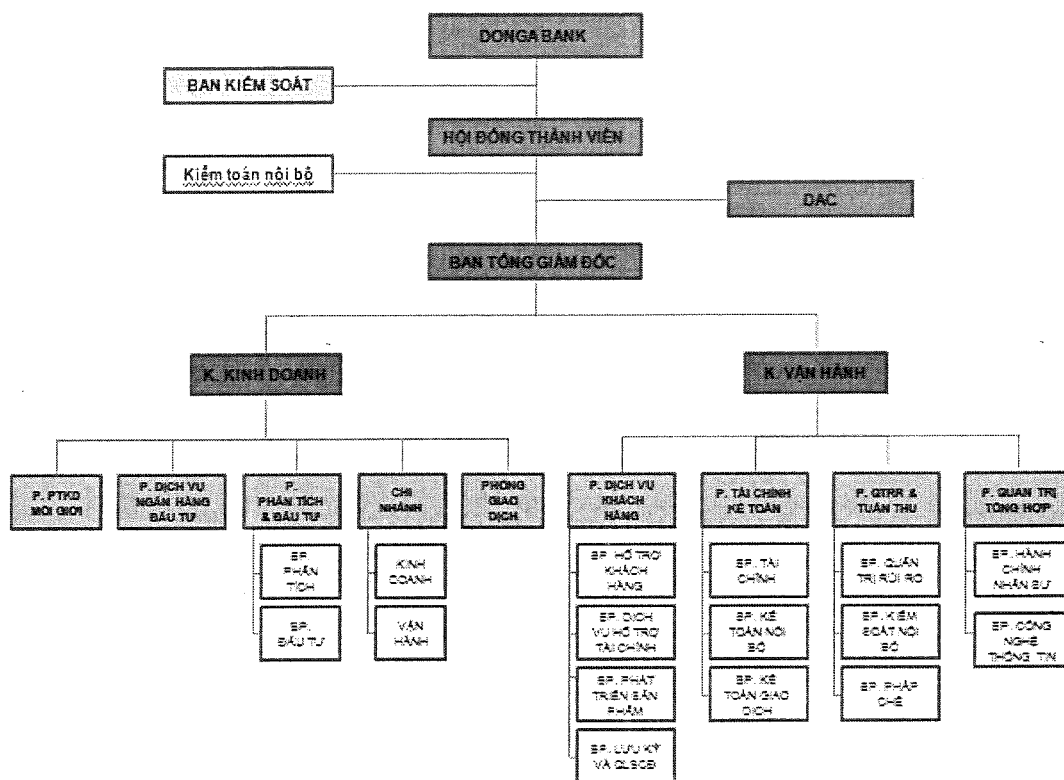
Theo Giấy phép số 128/UBCK-GP và Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCKNN, DAS được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Theo Quyết định số 257/QĐ-HĐQT-DAB ngày 09/12/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Á, cơ cấu tổ chức của DAS như sau:



5. Định hướng phát triển:

Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2020 tăng 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây nhưng trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, đây là thành công lớn, thuộc nhóm các nước tăng trưởng kinh tế cao nhất.

Về tốc độ phục hồi sau đại dịch, IMF dự báo GDP năm 2021 của Việt Nam đạt 6,7%, tiếp tục nằm trong nhóm có tăng trưởng kinh tế cao nhất Đông Nam Á và thế giới.

Luật chứng khoán Việt Nam sửa đổi có hiệu lực từ 01/01/2021, theo đó có một vài điểm sẽ tác động lớn đến thị trường chứng khoán:

- Việc nâng tiêu chuẩn vốn điều lệ tối thiểu của công ty đại chúng và mức vốn điều lệ tối thiểu để công ty được quyền phát hành thêm cổ phiếu. Điều này giúp hạn chế

tình trạng niềm yết tràn lan của một lượng lớn các công ty núp bóng niềm yết để huy động vốn trái phép của nhà đầu tư, giúp tạo môi trường minh bạch hơn.

- Tăng quyền cho UBCKNN trong việc xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán cũng như tăng mức phạt đối với hoạt động gian lận chứng khoán nhằm hạn chế tình trạng thao túng giá chứng khoán.

Điều quan trọng nhất chính là quy định lại việc sở hữu nước ngoài ở các công ty đại chúng và cấu trúc lại hoạt động của trung tâm lưu ký chứng khoán. Điều này sẽ giúp kéo theo một dòng vốn ngoại lớn vào những ngành nghề bị giới hạn lâu nay và giúp TTCK Việt Nam đủ tiêu chuẩn nâng hạng.

Trong khu vực Đông Nam Á thì chứng khoán Việt Nam đang ở mức hấp dẫn nhất so với các nước Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia...

Với nhận định tình hình thị trường như trên, Ban lãnh đạo Công ty định hướng sẽ tiếp tục tái cấu trúc toàn diện Công ty, đẩy mạnh mảng Nghiệp vụ Kinh doanh Môi giới kết hợp tăng cường hoạt động giao dịch ký quỹ, đồng thời tìm kiếm cơ hội thoái vốn danh mục đầu tư không hiệu quả. Cụ thể:

▪ **Hoạt động Môi giới:**

- Tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế của Công ty. Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới. Phát triển đội ngũ nhân viên môi giới có trình độ chuyên môn cao, có lượng khách hàng lớn và giao dịch thường xuyên đặc biệt là thu hút nhân viên môi giới thông qua các chính sách ưu đãi phù hợp.
- Phối hợp với DongA Bank và các Ngân hàng, tổ chức tài chính khác để đa dạng hóa sản phẩm, cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính...
- Triển khai các chương trình ưu đãi giao dịch để khuyến khích gia tăng giao dịch của khách hàng môi giới theo từng thời kỳ, mang tính cạnh tranh hơn.

▪ **Hoạt động Đầu tư tự doanh:**

- Tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư nhằm thu hồi vốn phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác tại DAS, đặc biệt thanh lý các khoản đầu tư tồn đọng trong nhiều năm và không hiệu quả.

6. **Các rủi ro:**

Mặc dù năm 2021 có nhiều dự báo khả quan về tình hình kinh tế vĩ mô, cũng như triển vọng của thị trường chứng khoán, nhưng việc dự phòng và đánh giá đầy đủ các yếu tố rủi ro tiềm ẩn vẫn sẽ luôn là điều cần thiết trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh tại các công ty chứng khoán.

▪ **Rủi ro kinh tế:**

- Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế năm 2021 vẫn còn nhiều rủi ro, đặc biệt các rủi ro do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Sự phục hồi kinh tế không đồng đều ở các thị trường đối tác cũng sẽ tác động rất lớn đến kinh tế Việt Nam. Mỹ và EU có thể phục hồi chậm hơn Trung Quốc. Đặt trong bối cảnh quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay, đây sẽ là thách thức lớn với nền kinh tế quốc dân.
- Với sự gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại ở các nước nhập khẩu, Việt Nam có khả năng gặp nhiều rủi ro nhất nếu như không kiểm soát được hàng giả, hàng nhái từ Trung Quốc và các nước khác.

- Theo nhận định của các chuyên gia y tế thế giới, thời gian để đưa vắc xin phổ biến rộng rãi của các nước sẽ trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 4/2022. Trong đó, Việt Nam được đánh giá nằm trong nhóm sẽ phổ biến vắc xin vào tháng 4/2022. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến đà phục hồi kinh tế của nước ta.

▪ **Rủi ro thị trường:**

- Tuy xu hướng thị trường năm 2021 được dự báo tích cực, nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung vẫn còn là thị trường khá non trẻ và thường bị tác động mạnh bởi những yếu tố tiêu cực bên ngoài. Vì vậy, DAS vẫn sẽ tập trung theo sát diễn biến tình hình thị trường và có những phân tích, đánh giá cập nhật xu hướng biến động của thị trường, để có định hướng và chiến lược kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng kịch bản khác nhau có thể xảy ra.

▪ **Rủi ro hoạt động:**

- Do đặc thù ngành, các công ty chứng khoán có thể đối mặt với các rủi ro trong quá trình hoạt động, khi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh. Các rủi ro này nếu không được kiểm soát hiệu quả có thể gây tổn thất cả về tài chính và uy tín đối với các công ty.
- Để hạn chế các rủi ro, DAS rất chú trọng và có sự đánh giá, chọn lọc rất kỹ lưỡng ngay từ khâu đầu vào. Ngoài ra, công ty cũng liên tục đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro, đồng thời thiết lập những quy định phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận nhằm quản lý một cách chặt chẽ và hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của công ty.

▪ **Rủi ro thanh toán:**

- DAS cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản lý tài khoản nhà đầu tư và quy định về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, ở góc độ hoạt động kinh doanh của công ty, DAS luôn kiểm soát nghiêm ngặt các nghiệp vụ liên quan, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao nhất cho tài khoản của các nhà đầu tư, cũng như đảm bảo năng lực thanh toán của công ty đối với các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Doanh thu năm 2020 đạt gần 24,7 tỷ đồng tương đương 110,1% doanh thu năm trước và thực hiện được 102,8% Kế hoạch năm 2020. Doanh thu tăng ở hoạt động Môi giới chứng khoán và hoạt động Hỗ trợ tài chính, giảm ở hoạt động Tư vấn tài chính, Lưu ký chứng khoán và Doanh thu khác. Chi tiết doanh thu từng hoạt động năm 2020 như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 12,2 tỷ đồng tương đương 272,2% doanh thu năm trước. Cùng với sự trở lại của nghiệp vụ Margin và tình hình chung của thị trường chứng khoán thuận lợi mà doanh thu hoạt động môi giới của DAS tăng trưởng mạnh trong năm 2020.
- Doanh thu hoạt động hỗ trợ tài chính đạt gần 7,9 tỷ đồng tương đương 439,2% so với năm trước, trong đó Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ (Margin) đạt 6,9 tỷ đồng, và doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 947 triệu đồng. DAS cung cấp lại dịch vụ Margin từ tháng 06/2019 nên doanh thu hoạt động Hỗ trợ tài chính năm 2020 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính đạt hơn 1,5 tỷ đồng tương đương 67,7% doanh thu năm trước.
- Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán đạt 767 triệu đồng tương đương 87,1% doanh thu năm trước. Đây là hoạt động hỗ trợ hoạt động môi giới và doanh thu hoạt động này 95% là doanh thu từ phí lưu ký cổ phiếu niêm yết mà phí này DAS chỉ thu hộ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tổng chi phí năm 2020 của DAS là 25,1 tỷ đồng tương đương 112,8% chi phí năm 2019 và tương đương 121,9% Kế hoạch chi phí năm 2020, trong đó:

- Chi phí hoạt động kinh doanh là 13,2 tỷ đồng tương đương 121,1% chi phí năm 2019 và tương đương 136,1% Kế hoạch 2020.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp gần 12 tỷ đồng tương đương 109,4% năm 2019 và tương đương 109,9% Kế hoạch 2020. Một số khoản chi phí quản lý biến động mạnh so với năm trước là: chi phí lương chính thức tăng 10%, chi phí mặt bằng tăng 19%, chi phí thuế GTGT không được khấu trừ tăng 81% so với năm trước.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020: DAS lỗ 503 triệu đồng theo Báo cáo tài chính tăng lỗ 684 triệu đồng so với khoản lãi 181 triệu đồng năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành

❖ Ông Dương Thế Quang – Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 10/10/2020):

- Từ 21/09/2017 đến 09/10/2020: Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.
- Từ năm 2014 đến năm 2017: Tổng Giám đốc Công ty QLQ đầu tư Sao Vàng.
- Từ năm 2010 đến năm 2014: Giám đốc đầu tư Công ty QLQ Vina Wealth.
- Từ năm 2008 đến năm 2010: Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt.
- Từ năm 2007 đến năm 2008: Tổng Giám đốc trụ bị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kinh Đô.
- Từ năm 2004 đến năm 2007: Giám đốc đầu tư Công ty Cổ phần Kinh Đô.
- Từ năm 2000 đến năm 2003: Giám đốc thị trường vốn Công ty Cổ phần TVH.
- Từ năm 1996 đến năm 1999: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Cần Thơ.

❖ Ông Huỳnh Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020):

- Từ 01/07/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.
- Từ năm 2018 đến năm 2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Everest.
- Từ năm 2008 đến năm 2018: Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán SJC.
- Từ năm 2003 đến năm 2007: Giám đốc môi giới Công ty Chứng khoán ACB.
- Từ năm 2000 đến năm 2003: Chuyên viên tư vấn TCDN Công ty Chứng khoán ACB.

2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc:

Ông Dương Thế Quang – Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 10/10/2020)

Ông Huỳnh Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31/12/2020 là 70 người (năm 2019 là 76 người).

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Phân theo giới tính		
Nam	29	29
Nữ	47	41
Phân theo trình độ		
Đại học, trên đại học	65	61
Cao đẳng, trung cấp	5	4
Khác	6	5

Để thực hiện định hướng phát triển bền vững, DAS luôn khuyến khích và hỗ trợ CBNV trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin thường xuyên liên tục để phục vụ tốt nhất cho công việc. Các nhân viên nghiệp vụ đều được trang bị đầy đủ kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để phát huy kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề cho CBNV.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Công ty cũng rất chú trọng việc phổ biến các giá trị cốt lõi của DongA Bank kết hợp với các đặc trưng văn hóa của Công ty nhằm đạt được mục tiêu chung của tập đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm Công ty không thực hiện các khoản đầu tư mới nào, chỉ tập trung thoái vốn và tái cấu trúc danh mục đầu tư để thu hồi vốn phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

DAS có 01 công ty thành viên là Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DAC) với tỷ lệ sở hữu 100% vốn (đã giải thể trong năm 2020).

- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- DAC được UBCKNN phê duyệt tạm ngưng hoạt động kể từ ngày 23/01/2015 đến ngày 23/01/2016 theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK ngày 23/01/2015, lý do: tạm ngưng hoạt động tự nguyện.
- DAC được UBCKNN phê duyệt gia hạn tạm ngưng hoạt động đến ngày 23/01/2017 theo Quyết định số 451/QĐ-UBCK ngày 05/05/2016.

- Ngày 20/12/2016, DAC đã nộp trực tiếp cho UBCKNN công văn khôi phục hoạt động của DAC và sau đó bổ sung các hồ sơ khôi phục hoạt động DAC, điều chuyển nhân sự từ DAS sang DAC nhằm đáp ứng các điều kiện về việc khôi phục hoạt động của DAC theo quy định của pháp luật.
- Ngày 15/02/2017, UBCKNN cũng đã có Công văn số 809/UBCK-QLQ yêu cầu DAC bổ sung một số hồ sơ liên quan đến việc khôi phục hoạt động theo quy định.
- Ngày 10/03/2017, DAC đã gửi bổ sung các hồ sơ còn thiếu và có công văn giải trình một số nội dung đối với hồ sơ khôi phục hoạt động của DAC gửi UBCKNN.
- Ngày 15/08/2018, UBCKNN đã có Công văn số 5069/UBCK-QLQ về việc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động DAC.
- Ngày 27/11/2018, DAC đã gửi UBCKNN Giấy đề nghị giải thể kèm Phương án giải thể công ty.
- Ngày 13/03/2019, UBCKNN đã gửi Công văn số 1601/UBCK-QLQ về việc giải thể DAC, xác nhận việc giải thể của DAC đồng thời đề nghị DAC tổ chức thực hiện thanh lý tài sản, giải thể công ty và thông báo kết quả thanh lý tài sản, giải thể công ty theo quy định của Pháp luật.
- Ngày 02/03/2020, UBCKNN đã ra Quyết định số 134/QĐ-UBCK về việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	209.612.844.923	210.598.528.802	+0,50
Tổng doanh thu	22.429.892.088	24.673.178.354	+10,0
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	181.216.248	(502.950.024)	n/a
Lợi nhuận trước thuế	181.216.248	(502.950.024)	n/a
Lợi nhuận sau thuế	181.216.248	(502.950.024)	n/a

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	39,9	29,4	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	21,7	16,7	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,02	0,03	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,03	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu /Tổng tài sản	0,11	0,11	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	0,008	-0,018
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,0009	-0,002
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,0009	-0,002
+	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu	0,008	-0,018

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.
- Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty có 70 nhân viên (31/12/2019 có 76 nhân viên).
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- DAS luôn đặt nhân viên là trọng tâm chiến lược phát triển, người lao động luôn được hưởng những lợi ích tốt nhất.

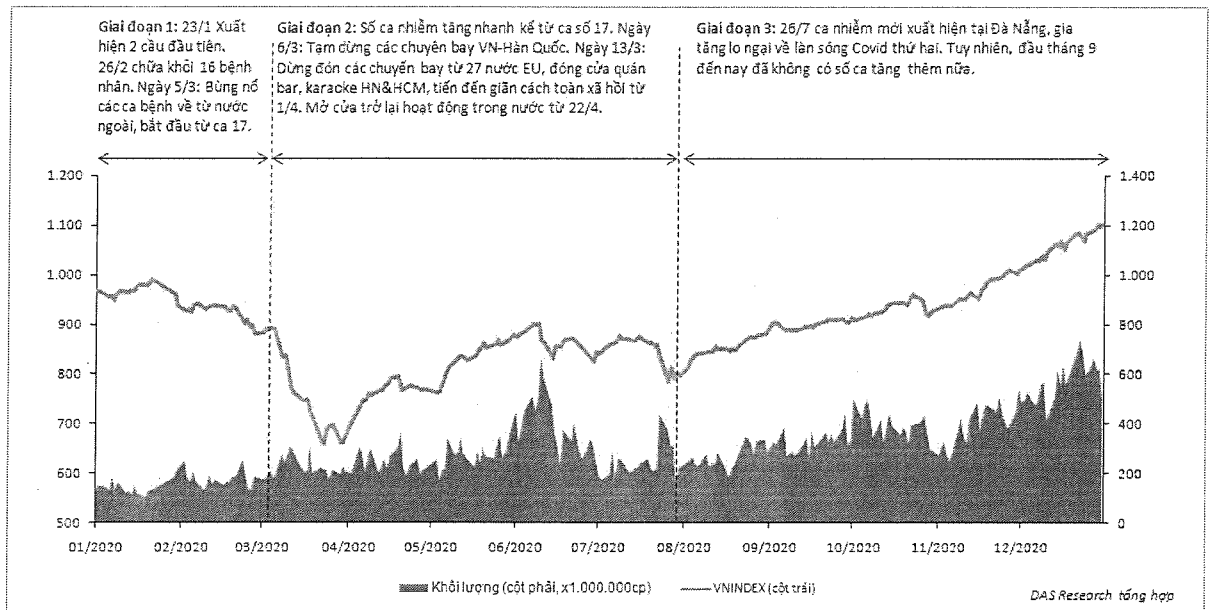
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020 phân hóa rõ rệt và khá tương đồng với 3 giai đoạn virus corona chủng mới (COVID-19) phát triển trong nước. Trong Quý I, thị trường liên tục sụt giảm và phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, nguyên nhân chủ yếu do sau khi xuất hiện tại một chợ hải sản đầu mối ở Vũ Hán (Trung Quốc) vào tháng 12/2019, chỉ trong hơn 3 tháng, virus COVID-19 đã lây lan khắp thế giới theo cấp số nhân. Kết thúc Quý I, VN-Index mất hơn 30% kể từ đầu năm.

Ngược lại, trong 3 quý cuối năm, mặc dù dòng vốn ngoại liên tục rút ra khỏi thị trường, sự nhập cuộc mạnh mẽ của các nhà đầu tư trong nước là nguyên nhân chính giúp thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi tích cực, chỉ số VN-Index tăng gần 67% kể từ đáy cuối tháng 3. Thanh khoản thị trường duy trì ổn định ở mức cao, những phiên giá trị giao dịch trên 10.000 tỷ đồng/phiên xuất hiện ngày càng nhiều.

Kết thúc năm 2020, chỉ số VN-Index đạt 1103,87 điểm (tăng 14,9%), chỉ số HNX-Index đạt 203,12 điểm (tăng 98,1%) so với cuối năm 2019.



Trong những năm vừa qua, DAS tiếp tục công tác tự tái cấu trúc và đã mang lại những kết quả rất đáng ghi nhận. Thu nhập của Khối Kinh doanh được gắn với doanh thu mang lại cho Công ty, Khối Vận hành được định biên sắp xếp lại và chuẩn hóa, hỗ trợ cho việc đẩy mạnh kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán khác và nâng cao quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty.

Một số thành tựu nổi bật trong năm 2020:

- Đối với nghiệp vụ Môi giới, Lũy kế năm 2020 DAS mở mới được 758 tài khoản, tương đương 128% so với năm 2019 và doanh thu thu phí năm 2020 đạt 12.20 tỷ đồng, tương đương 272% so với năm 2019;
- Năm 2020, DAS tiến hành hợp tác phân phối Chứng chỉ quỹ mở với Vina Capital, tuy nhiên qua quá trình hợp tác thì đối tượng khách hàng của DAS không phù hợp với đối tượng yêu cầu của phía đối tác nên quá trình triển khai chậm.
- Năm qua, hoạt động Phát triển kinh doanh Môi giới cũng đã thay đổi rất nhiều, trong đó áp dụng nhiều ưu đãi cho khách hàng thông qua gói COMBO, giảm phí, hoàn phí... từ đó giúp khách hàng thêm trung thành với DAS. Ngoài ra, Chính sách Phát triển Kinh doanh Môi giới 2020 cũng đã giúp DAS giữ chân được nhân sự kinh doanh cũ và tuyển mới thêm được nhân sự kinh doanh mới;
- Trước khi dịch Covid phát triển mạnh, DAS đã tổ chức nhiều buổi hội thảo, chương trình khách hàng và đạt được nhiều sự chú ý của khách hàng;
- Hợp tác với trường Đại học Kinh tế - Tài chính, Đại học Công nghệ Sài Gòn, Đại học Văn Lang để tìm kiếm những ứng viên tiềm năng và quảng bá hình ảnh của DAS rộng rãi hơn;

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2020 của DAS đạt gần 211 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 80,7% với giá trị 170,1 tỷ đồng.

Tổng tài sản trong năm 2020 tăng 0,5 % so với cùng kỳ năm 2019, trong đó tài sản dài hạn tăng từ 38,3 tỷ đồng lên 40,5 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn giảm từ 171,3 tỷ đồng xuống còn 170,1 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Kết thúc năm 2020, nợ phải trả của DAS là gần 5,78 tỷ đồng, tăng 34,7% so với nợ phải trả năm 2019, chiếm khoảng 2,7% tổng nguồn vốn. Công ty hoàn toàn không có vay nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Tình hình kinh tế vĩ mô:

Bước sang năm 2021, nhằm tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng để tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo chiều hướng mũi nhọn chuyên sâu hơn, Chính phủ nhiều khả năng sẽ vẫn duy trì các chính sách tài khóa và tiền tệ theo chiều hướng linh hoạt hơn nhằm đẩy mạnh nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trước các cơ hội và thách thức đang đến.

Bức tranh kinh tế 2021 Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển. Khu vực kinh tế FDI và xuất khẩu được dự báo sẽ là đầu tàu của sự phát triển thị trường Việt Nam.

Để đón nhận những triển vọng kinh tế tốt trong năm 2021, Việt Nam phải tiếp tục cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh một cách mạnh mẽ. Từ đó nâng cao mức độ và quy mô cạnh tranh của thị trường và tự đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng và bình đẳng của tất cả thành phần kinh tế.

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2021 được dự báo sẽ tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư khi Việt Nam có lợi thế cạnh tranh là nền kinh tế tiếp tục ổn định, hoạt động tái cơ cấu nền kinh tế sẽ được đẩy mạnh, trọng tâm là hệ thống ngân hàng và hiệu quả của khối doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá được nâng cao. Tăng trưởng mạnh về kinh tế sẽ giúp hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp, tập trung vào các ngành có chu kỳ phát triển tương quan với sự cải thiện của nền kinh tế như: Bất động sản, vật liệu xây dựng, ô tô và phụ tùng, tiêu dùng và phi tiêu dùng, dệt may...

4.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

DAS sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế về công nghệ, nhân sự, trình độ quản lý, cũng như sự hậu thuẫn từ ngân hàng mẹ DongA Bank.

Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới, nhằm gia tăng các tiện ích cho khách hàng.

Duy trì hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, đồng thời kiểm soát được mức độ rủi ro cùng với quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng thành viên về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động kinh doanh chứng khoán ngày càng cạnh tranh khốc liệt. 10 nhà môi giới lớn nhất trên sàn HoSE đang chiếm 64,5% thị phần giá trị giao dịch toàn ngành. Thị phần môi giới của DAS có quy mô nhỏ so với toàn ngành do quy mô vốn nhỏ, các dịch vụ tài chính còn hạn chế, chưa đa dạng, linh hoạt so với các công ty chứng khoán khác.

Phần lớn khách hàng cũ đã dịch chuyển sang các công ty chứng khoán khác từ năm 2015 sau khi DAS ngưng cung cấp dịch vụ margin. Đối với khách hàng mới, mặc dù DAS đã tiến hành các hoạt động marketing: Online Marketing, miễn/ giảm phí giao dịch, tuy nhiên kết quả chưa như mong muốn.

Kết quả kinh doanh năm 2020, doanh thu đạt 24,7 tỷ đồng tăng 2,2 tỷ đồng, tương ứng tăng 10% so với năm 2019 và đạt 102,8% kế hoạch. Trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh môi giới đạt 12,2 tỷ đồng tăng đến 7,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 172,2% so với năm 2019, trong khi chi phí hoạt động môi giới cũng tăng nhưng chỉ tăng 4 tỷ đồng, tương ứng tăng 73,1% so với năm trước, như vậy tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.

Tuy nhiên, danh mục đầu tư trước đây chưa thoái vốn hết được làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong thời kỳ đánh giá. Cụ thể, nếu năm 2019, nhờ biến động giá thị trường mà DAS ghi nhận doanh thu từ đánh giá tăng giá trị đầu tư là 3,8 tỷ đồng và cổ tức được chia là 1,4 tỷ đồng giúp cho ghi nhận doanh thu hoạt động đầu tư góp vốn 5,2 tỷ đồng; sang năm 2020 do giá thị trường của danh mục đầu tư này biến động giảm nên phần thặng dư của danh mục giảm, ghi nhận âm 3,1 tỷ đồng và cổ tức chỉ nhận được 0,5 tỷ đồng làm cho ghi nhận doanh thu hoạt động đầu tư góp vốn âm 2,7 tỷ đồng, làm cho lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh bị sụt giảm.

Như vậy, nếu giả thiết không có các tổn động cũ (danh mục đầu tư trước đây còn tồn tại tới thời điểm hiện tại DAS phải ghi nhận doanh thu từ cổ tức và đánh giá tăng danh mục trong năm) thì kết quả kinh doanh của DAS năm 2020 là lãi 2,4 tỷ đồng cho thấy kết quả hoạt động năm 2020 đã có sự tăng trưởng, chủ yếu nhờ tăng trưởng trong hoạt động môi giới như đã phân tích.

2. Đánh giá của Hội đồng thành viên về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Hội đồng thành viên thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng; đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật.

Trong tình hình kinh doanh năm 2020 còn gặp nhiều khó khăn, Hội đồng thành viên ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành và cán bộ nhân viên công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng thành viên

Chỉ đạo Ban điều hành và cán bộ nhân viên Công ty nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 do chủ sở hữu giao.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của DAS trên thị trường (bao gồm nguồn vốn, công nghệ, sản phẩm dịch vụ...).

Tiếp tục xử lý các tổn động (danh mục đầu tư, các khoản phải thu khó đòi).

Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần kinh doanh năng động, nhiệt huyết, môi trường làm việc thân thiện, công bằng...

Nâng cao thu nhập người lao động đồng thời mang lại lợi ích “vi hiệu quả đầu tư” của khách hàng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng thành viên (HĐTV)

Danh sách Hội đồng thành viên tại thời điểm 31/12/2020

TÊN	Chức vụ tại DAS	Chức vụ khác
Ông Nguyễn An	Chủ tịch	Phó Tổng giám đốc DongA Bank
Ông Tạ Chương Lâm	Thành viên	Chánh văn phòng DongA Bank
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	Phó phòng Kế toán DongA Bank

Hội đồng thành viên đã triển khai các hoạt động theo điều lệ Công ty, tuân thủ luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Trong năm 2020, Hội đồng thành viên đã tổ chức 12 phiên họp và lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

Các thành viên Hội đồng thành viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và mục tiêu hoạt động của Công ty, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Ban kiểm soát (BKS)

Danh sách Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2020

TÊN	Chức vụ tại DAS	Chức vụ khác
Bà Nguyễn Hoàng Diễm Châu	Trưởng ban	Nhân viên Kiểm toán nội bộ DongA Bank

Do Ban kiểm soát (BKS) chỉ có 01 nhân sự nên không tổ chức họp mà Ban kiểm soát sẽ kiểm tra giám sát hoạt động của công ty dựa theo Điều lệ của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2020, hoạt động của BKS bao gồm:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Thành Viên, Ban Tổng Giám Đốc và tình hình thực hiện các quyết định nghị quyết của chủ sở hữu.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết của chủ sở hữu, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ.
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và báo cáo tài chính bán niên 2020.
- Kiểm toán hoạt động các phòng ban như: Phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Phòng Phân tích Đầu tư.

Kết quả giám sát được ghi nhận như sau:

- HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động Công ty theo những định hướng đã được chủ sở hữu đề ra trong cuộc họp thường niên.
 - BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người điều hành doanh nghiệp. Các giao dịch của người nội bộ, người có liên quan được công bố thông tin đầy đủ theo quy định.
 - Trong hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào.
 - Năm 2020 được dự đoán với nhiều khó khăn của nền kinh tế đặc biệt COVID-19 xuất hiện đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới hầu hết các lĩnh vực kinh doanh nói chung và toàn công ty nói riêng. Ban Lãnh đạo cần theo dõi sát sao diễn biến thị trường, xây dựng kế hoạch chi tiết, các kịch bản khác nhau cũng như các giải pháp toàn diện nhằm đảm bảo phương án kinh doanh an toàn và hiệu quả, đạt được kế hoạch chủ sở hữu thông qua.
 - Hoạt động của Công ty trong năm 2020 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán.
 - Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của UBCKNN. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính năm 2020 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đúng theo quy định hiện hành.
 - BKS đã thực hiện kiểm tra, rà soát báo cáo tài chính bán niên, hàng năm và đánh giá số liệu tài chính của công ty công bố là minh bạch, không có các sai sót trọng yếu về mặt kế toán tài chính.
 - Trong năm 2020, BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát: Không có*

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

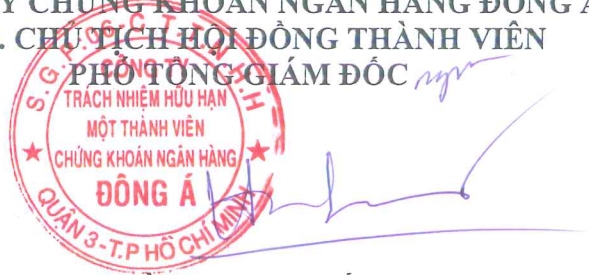
- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, và kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng

cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:**
(Xem tài liệu đính kèm)

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
TUỢ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH ANH TUẤN



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 46

2:06
C
TRÁCH
MỘ
CHỨNG
E
QUAN 3.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003 và theo các Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>	<i>Ngày cấp</i>
316/QĐ-UBCK	Thay đổi về tên và địa chỉ trụ sở chính	Ngày 16 tháng 5 năm 2007
128/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng, bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	Ngày 12 tháng 5 năm 2008
06/GPĐC-UBCK	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM	Ngày 22 tháng 1 năm 2015
59/GPĐC-UBCK	Rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
20/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 7 tháng 7 năm 2016
67/GPĐC-UBCK	Thay đổi thông tin cá nhân người đại diện theo pháp luật	Ngày 1 tháng 11 năm 2019
63/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 28 tháng 9 năm 2020
89/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có trụ sở chính đặt tại số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 204.821.132.392 đồng và tổng tài sản là 210.598.528.802 đồng.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn An	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2020
Ông Lương Ngọc Quý	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2020
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2020
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2020
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2015
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2020
Ông Tạ Chương Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2020
Ông Dương Thế Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2020
Ông Ngô Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Hoàng Diễm Châu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Dương Thế Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2020
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2018
Bà Lê Thị Như Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 27 tháng 9 năm 2020 là ông Nguyễn Quốc Toàn; từ ngày 28 tháng 9 năm 2020 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020 là ông Lương Ngọc Quý; từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày lập báo cáo tài chính này là ông Nguyễn An, Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Ông Huỳnh Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty - được ông Nguyễn An ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 17/2020/UQ-DAS ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, và kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc Công ty:



Ông Huỳnh Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021



Số tham chiếu: 61327095/22074758

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, và kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 12* của báo cáo tài chính. Theo quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán (“Thông tư 210”) và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210, công ty chứng khoán không được đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh; đồng thời, không được đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ đầu tư của Công ty vào cổ phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết lần lượt là 74% và 72% (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 75% và 73%), tỷ lệ đầu tư của Công ty vào một tổ chức là 16% (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 16%) vốn chủ sở hữu của Công ty. Các tỷ lệ đầu tư này đều đã vượt giới hạn đầu tư cho phép theo các quy định trên. Việc không tuân thủ này chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư đã phát sinh trước khi các hướng dẫn trên được ban hành. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã có văn bản giải trình với UBCKNN về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp xử lý nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1



Vũ Tiên Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		170.115.916.431	171.328.751.723
110	I. Tài sản tài chính		169.312.447.300	170.421.249.037
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	83.765.938.770	11.316.328.698
111.1	a. Tiền		8.265.938.770	2.116.328.698
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		75.500.000.000	9.200.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	12.886.005.277	74.842.857.817
114	3. Các khoản cho vay	6.2	71.355.301.835	81.657.763.106
117	4. Các khoản phải thu	7	15.569.118.726	16.916.567.279
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		15.252.400.000	15.252.400.000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		316.718.726	1.664.167.279
118	5. Trả trước cho người bán		34.950.000	126.007.500
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	10.992.741.809	10.853.333.754
122	7. Các khoản phải thu khác	9	32.137.490.983	32.137.490.983
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	10	(57.429.100.100)	(57.429.100.100)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		803.469.131	907.502.686
131	1. Tạm ứng		81.648.250	137.243.990
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	247.882.652	295.984.999
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		13.500.000	13.500.000
135	4. Thuế GTGT được khấu trừ		-	335.468
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		460.438.229	460.438.229
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		40.482.612.371	38.284.093.200
210	I. Tài sản tài chính dài hạn	12	24.900.366.348	25.495.996.469
212.4	1. Đầu tư dài hạn khác		138.027.158.556	138.027.158.556
213	2. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn		(113.126.792.208)	(112.531.162.087)
220	II. Tài sản cố định		2.953.790.433	727.431.230
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	2.648.722.945	364.560.000
222	a. Nguyên giá		17.533.366.839	15.395.520.438
223a	b. Giá trị hao khấu hao lũy kế		(14.884.643.894)	(15.030.960.438)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	305.067.488	362.871.230
228	a. Nguyên giá		16.047.536.934	15.867.536.934
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(15.742.469.446)	(15.504.665.704)
250	III. Tài sản dài hạn khác		12.628.455.590	12.060.665.501
252	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	348.228.490	67.776.818
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	12.280.227.100	11.992.888.683
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		210.598.528.802	209.612.844.923

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.777.396.410	4.288.762.507
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.777.396.410	4.288.762.507
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	621.995.548	175.352.334
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	17	105.006.773	105.006.773
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	896.362.000	1.110.162.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.135.837.148	446.319.838
323	5. Phải trả người lao động	20	1.223.154.328	853.558.937
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		117.094.715	250.961.048
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	596.941.605	420.549.914
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	22	1.080.012.096	925.859.466
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	992.197	992.197
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		204.821.132.392	205.324.082.416
410	I. Vốn chủ sở hữu		204.821.132.392	205.324.082.416
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.1	500.000.000.000	500.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.902.712.767	8.902.712.767
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.902.712.768	8.902.712.768
416	4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.770.434.156	11.770.434.156
417	5. Lỗ lũy kế	24.2	(324.754.727.299)	(324.251.777.275)
417.1	a. Lỗ đã thực hiện		(314.472.345.069)	(316.725.830.515)
417.2	b. Lỗ chưa thực hiện		(10.282.382.230)	(7.525.946.760)
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		210.598.528.802	209.612.844.923

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25.1	16.097.200.000	16.097.630.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25.2	72.390.130.000	72.390.130.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	25.3	2.094.940.070.000	2.050.323.530.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.931.421.990.000	1.901.988.240.000
021.3	b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		114.378.610.000	114.378.610.000
021.4	c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		16.275.260.000	26.063.410.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		32.864.210.000	7.893.270.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25.4	3.844.780.000	5.224.590.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		3.462.030.000	4.941.640.000
022.4	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		382.750.000	282.950.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng		281.319.542.706	81.606.251.161
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.5	161.954.200.108	66.826.436.210
028	b. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.5	118.170.807.052	13.433.982.025
029	c. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.118.895	2.457.080
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	25.5	1.000.000	1.000.000
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	25.5	1.118.895	1.457.080
030	d. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	25.6	1.192.416.651	1.343.375.846

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.7	280.127.126.055	80.262.875.315
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		279.739.244.846	79.946.597.493
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		387.881.209	316.277.822
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.8	1.192.416.651	1.343.375.846


Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập


Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng


Ông Huỳnh Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.137.040.649	11.986.224.011
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	1.410.200	600.410.000
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	(3.114.638.940)	3.800.959.590
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	4.250.269.389	7.584.854.421
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	7.884.938.693	1.795.233.884
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26.4	12.201.470.793	4.482.420.434
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26.4	767.463.977	880.943.948
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	26.4	1.529.181.816	2.258.750.577
11	6. Thu nhập từ hoạt động khác	26.4	47.406.636	11.525.743
20	Cộng doanh thu hoạt động		23.567.502.564	21.415.098.597
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(358.105.320)	2.243.589.221
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	98.150	1.768.500.000
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	(358.203.470)	475.089.221
26	2. Chi phí hoạt động tự doanh		635.448.439	635.250.299
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	9.682.822.684	5.593.437.629
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	1.170.496.819	1.278.713.645
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	1.235.528.494	1.465.878.750
32	6. Chi phí các dịch vụ khác	28	239.851.506	88.636.900
40	Cộng chi phí hoạt động		12.606.042.622	11.305.506.444
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	27	939.662.155	1.014.793.491
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		939.662.155	1.014.793.491
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
53	1. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	29	-	622.614.420
54	2. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	29	595.630.121	(1.027.528.287)
55	3. Chi phí khác	29	-	11.000
60	Cộng chi phí tài chính		595.630.121	(404.902.867)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN	30	11.974.410.362	10.941.327.736
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(668.918.386)	587.960.775

T. J
 TY
 HỮU
 VIÊN
 AN H
 Á
 CH

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		166.013.635	6.409.090
72	2. Chi phí khác		45.273	413.153.617
80	Cộng kết quả hoạt động khác		165.968.362	(406.744.527)
90	VIII. TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		(502.950.024)	181.216.248
91	1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		2.253.485.446	(3.144.654.121)
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(2.756.435.470)	3.325.870.369
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	-
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	-	-
200	X. LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(502.950.024)	181.216.248
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(502.950.024)	181.216.248

Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng



Ông Huỳnh Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(2.225.308.920.964)	(707.302.513.570)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		2.294.813.111.355	598.974.772.464
04	3. Cổ tức đã nhận		330.588.860	558.596.050
05	4. Tiền lãi đã thu		13.719.312.406	8.578.624.484
07	5. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(2.775.210.043)	(1.672.300.317)
08	6. Tiền chi trả cho người lao động		(11.844.642.834)	(10.535.813.489)
09	7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(3.902.812.995)	(2.017.672.162)
10	8. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính		(26.724.804)	(25.768.216)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.955.125.174	26.958.206.767
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.027.799.195)	(6.145.524.012)
20	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		74.932.026.960	(92.629.392.001)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	13, 14	(2.610.780.300)	(631.570.000)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.377.272	6.409.090
24	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con		-	29.309.461.619
25	4. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn	27	125.986.140	207.446.400
30	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(2.482.416.888)	28.891.747.109
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		72.449.610.072	(63.737.644.892)
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	11.316.328.698	75.053.973.590
61	Tiền		2.116.328.698	16.853.973.590
62	Các khoản tương đương tiền		9.200.000.000	58.200.000.000
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	83.765.938.770	11.316.328.698
71	Tiền		8.265.938.770	2.116.328.698
72	Các khoản tương đương tiền		75.500.000.000	9.200.000.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.752.299.972.600	666.518.062.900
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(3.892.564.447.759)	(1.553.321.234.041)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		2.340.728.776.239	888.449.386.285
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(600.050.340)	(802.952.798)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		949.758.065	4.940.499.730
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.100.717.260)	(5.036.606.670)
20	Tăng tiền thuần trong năm		199.713.291.545	747.155.406
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		81.606.251.161	80.859.095.755
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		81.606.251.161	80.859.095.755
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.5	66.826.436.210	75.536.928.227
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.5	2.457.080	2.276.846
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.5	13.433.982.025	3.880.407.896
35	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	25.6	1.343.375.846	1.439.482.786
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		281.319.542.706	81.606.251.161
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		281.319.542.706	81.606.251.161
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.5	161.954.200.108	66.826.436.210
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.5	118.170.807.052	13.433.982.025
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.5	2.118.895	2.457.080
45	- Tiền gửi của tổ chức phát hành	25.6	1.192.416.651	1.343.375.846

Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng

Ông Huỳnh Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số (tăng)/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 1/1/2019 VND	Ngày 1/1/2020 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 1/1/2020 VND	Ngày 31/12/2020 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.1	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		8.902.712.767	8.902.712.767	-	-	-	-	8.902.712.767	8.902.712.767
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.902.712.768	8.902.712.768	-	-	-	-	8.902.712.768	8.902.712.768
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.770.434.156	11.770.434.156	-	-	-	-	11.770.434.156	11.770.434.156
Quỹ đầu tư phát triển		3.139.071.388	3.139.071.388	-	-	-	-	3.139.071.388	3.139.071.388
Quỹ đảo tạo		8.631.362.768	8.631.362.768	-	-	-	-	8.631.362.768	8.631.362.768
5. Lỗ lũy kế	24.2	(324.432.993.523)	(324.251.777.275)	3.325.870.369	(3.144.654.121)	2.253.485.446	(2.756.435.470)	(324.251.777.275)	(324.754.727.299)
Lỗ đã thực hiện		(313.581.176.394)	(316.725.830.515)	-	(3.144.654.121)	2.253.485.446	-	(316.725.830.515)	(314.472.345.069)
Lỗ chưa thực hiện	26.2	(10.851.817.129)	(7.525.946.760)	3.325.870.369	-	-	(2.756.435.470)	(7.525.946.760)	(10.282.382.230)
TỔNG CỘNG		205.142.866.168	205.324.082.416	3.325.870.369	(3.144.654.121)	2.253.485.446	(2.756.435.470)	205.324.082.416	204.821.132.392



(Handwritten signature)

Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng

Ông Huỳnh Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2003 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 12/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2003 và theo các Giấy phép Hoạt động Kinh doanh điều chỉnh khác.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 70 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 76 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 204.821.132.392 đồng và tổng tài sản là 210.598.528.802 đồng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty phát sinh khoản lỗ lũy kế chiếm khoảng 65% vốn đầu tư của chủ sở hữu và vượt giới hạn đầu tư theo quy định của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và Thông tư số 07/2016/TT-BTC. Điều này tiềm ẩn rủi ro Công ty có thể bị phạt hoặc rút giấy phép hoạt động kinh doanh đối với một số nghiệp vụ theo các quy định hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty liên quan đến vấn đề này như sau:

- ▶ Khoản lỗ lũy kế đã phát sinh từ nhiều năm trước, phần lớn là do các khoản đầu tư góp vốn vào các tổ chức chưa niêm yết. Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Vốn chủ sở hữu còn lại đủ để Công ty thực hiện những nghiệp vụ này. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh như tiếp tục tìm kiếm thu hút khách hàng mới, kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động kinh doanh, tăng cường tìm kiếm cơ hội để phát triển mảng tư vấn đầu tư.
- ▶ Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc vượt giới hạn đầu tư và đang thực hiện các biện pháp xử lý nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại các ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán và các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế trong nước không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 48/2019/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	--	---	---	--

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính* (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.8 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn*

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng. Cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày lập báo cáo. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không phải lập dự phòng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 4 năm
Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán	3 - 5 năm
Phần mềm ứng dụng khác	3 - 8 năm

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp hưu trí từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm công việc hoàn thành căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế so với chi phí dự kiến hoặc dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí phát sinh thực tế đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Vốn chủ sở hữu

Lỗ lũy kế

Lỗ lũy kế bao gồm lỗ đã thực hiện và lỗ chưa thực hiện.

Lỗ chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lỗ đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lỗ chưa thực hiện.



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ sau đây thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Điều lệ Công ty:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ đầu tư phát triển	10%	Không có
Quỹ đào tạo	5%	Không có

Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.21 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này, theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền	8.265.938.770	2.116.328.698
Tiền mặt tại quỹ	13.146.226	27.386.101
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	8.250.120.423	2.087.922.015
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.672.121	1.020.582
Các khoản tương đương tiền	75.500.000.000	9.200.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	75.500.000.000	9.200.000.000
	83.765.938.770	11.316.328.698

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
Của công ty		
- Cổ phiếu	56	1.729.120
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	628.831.845	8.368.979.656.400
- Chứng chỉ quỹ	8.640	92.225.700
- Chứng khoán khác	18.329.810	93.172.178.900
	647.170.351	8.462.245.790.120

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	1.770.519.550	2.771.251.650	1.771.135.800	4.753.814.890
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè (NBW)	920.673.600	1.346.136.400	920.673.600	2.476.054.000
Công ty CP Cấp nước Gia Định (GDW)	838.064.600	1.403.900.000	838.064.600	2.258.750.000
Khác	11.781.350	21.215.250	12.397.600	19.010.890
Cổ phiếu chưa niêm yết	21.397.867.957	10.114.753.627	21.397.668.777	10.889.042.927
Công ty CP Đầu tư Vina (Vina Invest)	7.750.000.000	2.639.442.825	7.750.000.000	2.639.442.825
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (HSI)	7.364.898.000	1.688.832.000	7.364.898.000	1.125.888.000
Công ty CP Nhựa Sài Gòn (NSG)	3.423.816.000	3.112.560.000	3.423.816.000	4.102.920.000
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC)	1.461.545.600	2.204.000.000	1.461.545.600	2.656.400.000
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS)	687.200.000	229.522.202	687.200.000	229.522.202
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	704.026.200	237.600.000	704.026.200	132.000.000
Khác	6.382.157	2.796.600	6.182.977	2.869.900
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	59.200.000.000	59.200.000.000
	23.168.387.507	12.886.005.277	82.368.804.577	74.842.857.817

6.2 Các khoản cho vay

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý (*) VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý (*) VND</i>
Cho vay hoạt động ký quỹ chứng khoán	59.696.968.835	59.696.968.835	79.571.010.106	79.571.010.106
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	11.658.333.000	11.658.333.000	2.086.753.000	2.086.753.000
	71.355.301.835	71.355.301.835	81.657.763.106	81.657.763.106

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản cho vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL

Tài sản tài chính FVTPL	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch tăng		Chênh lệch giảm		Chênh lệch tăng		Chênh lệch giảm	
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu								
1. Cổ phiếu niêm yết								
Công ty CP Cấp nước	920.673.600	425.462.800	-	1.346.136.400	920.673.600	1.555.380.400	-	2.476.054.000
Nhà bê (NBW)								
Công ty CP Cấp nước	838.064.600	565.835.400	-	1.403.900.000	838.064.600	1.420.685.400	-	2.258.750.000
Gia Định (GDW)	11.781.350	10.687.160	(1.253.260)	21.215.250	12.397.600	8.873.400	(2.260.110)	19.010.890
Khác	1.770.519.550	1.001.985.360	(1.253.260)	2.771.251.650	1.771.135.800	2.984.939.200	(2.260.110)	4.753.814.890
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty CP Đầu tư Vina	7.750.000.000	-	(5.110.557.175)	2.639.442.825	7.750.000.000	-	(5.110.557.175)	2.639.442.825
(Vina Invest)								
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và								
Phân bón Hóa Sinh (HSI)	7.364.898.000	-	(5.676.066.000)	1.688.832.000	7.364.898.000	-	(6.239.010.000)	1.125.888.000
Công ty CP Nhựa Sài Gòn (NSG)	3.423.816.000	-	(311.256.000)	3.112.560.000	3.423.816.000	679.104.000	-	4.102.920.000
Công ty CP Bảo vệ Thực vật								
Sài Gòn (SPC)	1.461.545.600	742.454.400	-	2.204.000.000	1.461.545.600	1.194.854.400	-	2.656.400.000
Công ty CP Chứng khoán								
Quốc tế Việt Nam (VIS)	687.200.000	-	(457.677.798)	229.522.202	687.200.000	-	(457.677.798)	229.522.202
Công ty CP Đầu tư Thương mại								
Thủy sản (ICF)	704.026.200	-	(466.426.200)	237.600.000	704.026.200	-	(572.026.200)	132.000.000
Khác	6.382.157	482.190	(4.067.747)	2.796.600	6.182.977	663.290	(3.976.367)	2.869.900
	21.397.867.957	742.936.590	(12.026.050.920)	10.114.753.627	21.397.668.777	1.874.621.690	(12.383.247.540)	10.889.042.927
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	-	-	59.200.000.000	-	-	59.200.000.000
	23.168.387.507	1.744.921.950	(12.027.304.180)	12.886.005.277	82.368.804.577	4.859.560.890	(12.385.507.650)	74.842.857.817

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	15.252.400.000	15.252.400.000
<i>Chi tiết như sau:</i>		
- Hoàng Thị Duyên	5.252.400.000	5.252.400.000
- Nguyễn Huy Dũng	4.300.000.000	4.300.000.000
- Nguyễn Thị Bích Thủy	3.300.000.000	3.300.000.000
- Lý Đỗ Nhã Phương	2.400.000.000	2.400.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	316.718.726	1.664.167.279
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	61.057.533	918.722.194
- Lãi dự thu từ cho vay ký quỹ chứng khoán	255.661.193	745.445.085
	15.569.118.726	16.916.567.279

(*) Khoản mục này bao gồm các khoản phải thu bán các tài sản tài chính được Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.028.714.425	9.912.204.885
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	648.965.263	642.316.747
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	272.850.000	258.600.000
Các khoản phải thu khác	42.212.121	40.212.122
	10.992.741.809	10.853.333.754

Bao gồm trong phải thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phải thu với giá trị là 9.889.631.272 đồng từ các cá nhân là nhân viên cũ của Công ty do các nhân viên này đã không tuân thủ quy trình nghiệp vụ và chính sách của Công ty trong quá trình thực hiện giao dịch và làm việc với khách hàng dẫn đến sai sót. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ số tiền chưa thu được dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết (*)	31.600.000.000	31.600.000.000
- Đặng Thị Kim Liên	16.300.000.000	16.300.000.000
- Võ Văn Tâm	15.300.000.000	15.300.000.000
Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431
Các khoản phải thu khác	60.279.552	60.279.552
	32.137.490.983	32.137.490.983

(*) Các khoản phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết được Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiết số dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dự dự phòng VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số dự dự phòng VND
Dự phòng phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết	31.600.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính	15.252.400.000	15.252.400.000	15.252.400.000	15.252.400.000
Dự phòng phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.889.631.272	9.889.631.272	9.889.631.272	9.889.631.272
Dự phòng phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	477.211.431	477.211.431	477.211.431	477.211.431
Dự phòng phải thu hoạt động tư vấn tài chính	162.000.000	162.000.000	162.000.000	162.000.000
Dự phòng phải thu khác	47.857.397	47.857.397	47.857.397	47.857.397
	57.429.100.100	57.429.100.100	57.429.100.100	57.429.100.100

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	247.882.652	295.984.999
- Phí bảo trì hệ thống phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán	90.502.667	18.666.774
- Phí thuê đường truyền và internet	85.180.974	93.812.031
- Thiết bị tin học	1.424.398	70.978.400
- Phí dịch vụ khách hàng	17.820.000	47.665.742
- Phí dịch vụ khác	52.954.613	64.862.052
Chi phí trả trước dài hạn	348.228.490	67.776.818
- Máy vi tính	101.715.365	-
- Thiết bị, đồ dùng văn phòng	176.197.489	-
- Công cụ, dụng cụ khác	-	6.388.818
- Chi phí sửa chữa văn phòng	16.200.000	33.864.000
- Chi phí trả trước khác	54.115.636	27.524.000
	596.111.142	363.761.817

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác và dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Kim khí Hưng Thịnh Phát	33.140.516.000	33.140.516.000	(*)	33.140.516.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (ACF)	30.860.999.556	30.860.999.556	(*)	30.860.999.556
Công ty Cổ phần An Tôn Nguyễn	23.000.000.000	23.000.000.000	(*)	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Tự dính Việt Nam	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	12.100.000.000	1.793.900.271	(*)	1.825.630.914
Công ty Cổ phần Sóng Việt	8.183.300.000	673.909.658	(*)	8.183.300.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	3.990.000.000	3.990.000.000	(*)	3.990.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản DIC (DIC-Resco)	3.817.280.000	-	(*)	3.817.280.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Lâm sản - Tiêu thụ Công nghiệp (Upexim)	2.873.475.000	2.873.475.000	(*)	2.873.475.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế (ITC)	1.600.000.000	-	(*)	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc 9	1.415.011.000	91.290.023	(*)	1.415.011.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)	1.046.577.000	702.701.700	343.875.300	1.046.577.000
	138.027.158.556	113.126.792.208		138.027.158.556
	24.900.366.348			25.495.996.469
Giá trị thuần tại thời điểm cuối năm				112.531.162.087
				299.022.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và hiện tại không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán ("Thông tư 210") và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210 ("Thông tư 07"), công ty chứng khoán không được đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh; đồng thời, không được đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có khoản đầu tư chứng khoán FVTPL với giá trị là 12.886.005.277 đồng (trong đó đầu tư FVTPL vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết với giá trị là lần lượt là 2.771.251.650 đồng và 10.114.753.627 đồng) (Thuyết minh số 6.1) và các khoản đầu tư dài hạn khác vào các công ty chưa niêm yết với giá trị là 138.027.158.556 đồng. Do đó, tổng giá trị đầu tư góp vốn sở hữu công ty khác của Công ty là 150.913.163.833 đồng và đầu tư vào các công ty chưa niêm yết là 148.141.912.183 đồng, chiếm tỷ lệ lần lượt là 74% và 72% vốn chủ sở hữu, vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 07.

Đồng thời, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kim khí Hưng Thịnh Phát với giá trị 33.140.516.000 đồng, chiếm tỷ lệ 16% vốn chủ sở hữu (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 33.140.516.000 đồng, chiếm tỷ lệ 16% vốn chủ sở hữu), vượt quá tỷ lệ giới hạn theo các quy định của Thông tư 210 và Thông tư 07.

Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư đã phát sinh trước khi các hướng dẫn trên được ban hành. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp xử lý nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.294.367.000	1.145.181.746	3.338.875.073	9.281.801.683	335.294.936	15.395.520.438
Tăng trong năm	-	-	231.980.300	2.198.800.000	-	2.430.780.300
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(48.050.000)	-	(210.893.899)	(33.990.000)	(292.933.899)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.294.367.000	1.097.131.746	3.570.855.373	11.269.707.784	301.304.936	17.533.366.839
Khấu hao lũy kế						
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.294.367.000	1.145.181.746	2.974.315.073	9.281.801.683	335.294.936	15.030.960.438
Khấu hao trong năm	-	-	128.885.032	17.732.323	-	146.617.355
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(48.050.000)	-	(210.893.899)	(33.990.000)	(292.933.899)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.294.367.000	1.097.131.746	3.103.200.105	9.088.640.107	301.304.936	14.884.643.894
Giá trị còn lại						
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	-	-	364.560.000	-	-	364.560.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-	467.655.268	2.181.067.677	-	2.648.722.945

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14.664.516.539 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 14.957.450.438 đồng).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND</i>	<i>Phần mềm ứng dụng khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.024.456.174	6.843.080.760	15.867.536.934
Tăng trong năm	180.000.000	-	180.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	9.204.456.174	6.843.080.760	16.047.536.934
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	8.712.698.944	6.791.966.760	15.504.665.704
Hao mòn trong năm	211.139.742	26.664.000	237.803.742
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	8.923.838.686	6.818.630.760	15.742.469.446
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	311.757.230	51.114.000	362.871.230
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	280.617.488	24.450.000	305.067.488

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 15.417.019.704 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 15.167.019.704 đồng).

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	6.606.154.088	7.025.181.805
Tiền lãi phân bổ	5.554.073.012	4.847.706.878
	12.280.227.100	11.992.888.683

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	424.618.807	104.933.440
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	196.780.241	69.822.394
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	596.500	596.500
	621.995.548	175.352.334

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thiết kế website	46.013.113	46.013.113
Phí duy trì nội thất	44.716.775	44.716.775
Các khoản phải trả người bán khác	14.276.885	14.276.885
	105.006.773	105.006.773

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	26.761.158	189.483.671	(169.242.303)	47.002.526
Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)	419.558.680	4.543.027.485	(3.873.751.543)	1.088.834.622
- Thuế TNCN của nhân viên	276.352.298	288.967.434	(285.319.469)	280.000.263
- Thuế TNCN của nhà đầu tư	134.494.347	4.110.234.633	(3.452.290.717)	792.438.263
- Thuế TNCN khác	8.712.035	143.825.418	(136.141.357)	16.396.096
Các loại thuế khác	-	14.527.864	(14.527.864)	-
	446.319.838	4.747.039.020	(4.057.521.710)	1.135.837.148

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Bột Mì	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh	67.500.000	67.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mgroup	66.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Chu Lai	65.000.000	65.000.000
Công ty TNHH MTV – Công ty XNK Ngành In TP.HCM (Primexco)	63.800.000	63.800.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận (Hamico)	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	50.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Tân Mai	-	110.000.000
Khoa bán công Kỹ thuật cao	-	140.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	424.062.000	473.862.000
	896.362.000	1.110.162.000

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lương tháng 13	676.190.443	608.956.685
Lương kinh doanh bộ phận Ngân hàng đầu tư	158.465.454	155.781.817
Lương và phụ cấp khác	388.498.431	88.820.435
	1.223.154.328	853.558.937

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả Ngân hàng mẹ	239.829.605	106.343.247
Phải trả dịch vụ chuyên môn	270.000.000	150.000.000
Chi phí phải trả khác	87.112.000	164.206.667
	596.941.605	420.549.914

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả đặt cọc theo hợp đồng tư vấn đầu tư	839.658.142	825.458.131
Phải trả thù lao cung cấp nguồn khách hàng	210.803.270	92.350.651
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.550.684	8.050.684
	1.080.012.096	925.859.466

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số đầu năm	992.197	7.992.197
Sử dụng trong năm	-	7.000.000
Số cuối năm	992.197	992.197

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bên góp vốn, số vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	500.000.000.000	500.000.000.000

24.2 Lỗ lũy kế

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Lỗ đã thực hiện	314.472.345.069	316.725.830.515
Lỗ chưa thực hiện	10.282.382.230	7.525.946.760
	324.754.727.299	324.251.777.275

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	16.097.200.000	16.097.630.000

25.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu (mệnh giá)	72.390.130.000	72.390.130.000

25.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.931.421.990.000	1.901.988.240.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	114.378.610.000	114.378.610.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	16.275.260.000	26.063.410.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	32.864.210.000	7.893.270.000
	2.094.940.070.000	2.050.323.530.000

25.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.462.030.000	4.941.640.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	382.750.000	282.950.000
	3.844.780.000	5.224.590.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.5 Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	161.954.200.108	66.826.436.210
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	161.605.901.176	66.512.632.501
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	348.298.932	313.803.709
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	118.170.807.052	13.433.982.025
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.118.895	2.457.080
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	1.000.000	1.000.000
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.118.895	1.457.080
	280.127.126.055	80.262.875.315

25.6 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.192.416.651	1.343.375.846

25.7 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	162.239.827.510	67.048.816.460
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	161.889.146.301	66.732.538.638
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	350.681.209	316.277.822
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	117.882.666.400	13.211.944.800
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	117.845.466.400	13.211.944.800
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	37.200.000	-
Phải trả khác của Nhà đầu tư	4.632.145	2.114.055
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	4.632.145	2.114.055
	280.127.126.055	80.262.875.315

25.8 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.192.416.651	1.343.375.846

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Danh mục các tài sản tài chính	Số lượng bán cổ phiếu	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	40	1.648.000	5.945	1.410.200
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	16	81.120	11.204	(98.150)
	56	1.729.120		1.312.050
Trong đó:				
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL				1.410.200
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL				(98.150)

26.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
I	FVTPL	23.168.387.507	12.886.005.277	(10.282.382.230)	(7.525.946.760)	(2.756.435.470)
1	Cổ phiếu niêm yết	1.770.519.550	2.771.251.650	1.000.732.100	2.982.679.090	(1.981.946.990)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	21.397.867.957	10.114.753.627	(11.283.114.330)	(10.508.625.850)	(774.488.480)
	Trong đó:					
-	Chênh lệch tăng					(3.114.638.940)
-	Chênh lệch giảm					358.203.470
II	Các khoản cho vay và phải thu	71.355.301.835	71.355.301.835	-	-	-
		94.523.689.342	84.241.307.112	(10.282.382.230)	(7.525.946.760)	(2.756.435.470)



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	4.250.269.389	7.584.854.421
Từ các khoản cho vay và phải thu	7.884.938.693	1.795.233.884
	12.135.208.082	9.380.088.305

26.4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	12.201.470.793	4.482.420.434
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.529.181.816	2.258.750.577
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	767.463.977	880.943.948
Thu nhập từ hoạt động khác	47.406.636	11.525.743
	14.545.523.222	7.633.640.702

27. DOANH THU, DỰ THU CỔ TỨC, LÃI TIỀN GỬI KHÔNG CÓ ĐỊNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	813.676.015	807.347.091
- Trong đó: Lãi phân bổ từ tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	706.366.134	591.413.252
Doanh thu, dự thu cổ tức phát sinh trong năm	125.986.140	207.446.400
	939.662.155	1.014.793.491

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	9.682.822.684	5.593.437.629
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.170.496.819	1.278.713.645
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.235.528.494	1.465.878.750
Chi phí các dịch vụ khác	239.851.506	88.636.900
	12.328.699.503	8.426.666.924

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	595.630.121	(1.027.528.287)
Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	-	622.614.420
Chi phí đầu tư khác	-	11.000
	595.630.121	(404.902.867)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	6.961.044.724	6.401.623.617
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>6.174.032.724</i>	<i>5.700.913.117</i>
<i>BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN</i>	<i>787.012.000</i>	<i>700.710.500</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.633.976.565	4.170.891.563
Chi phí khấu hao TSCĐ	168.445.355	102.687.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	114.257.642	113.218.049
Chi phí văn phòng phẩm	57.781.076	53.055.546
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	9.060.000
Chi phí khác	33.905.000	90.791.961
	11.974.410.362	10.941.327.736

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ kế toán trước thuế TNDN	(502.950.024)	181.216.248
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(100.590.005)	36.243.250
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ	52.104.547	141.655.223
- Giảm chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	622.927.788	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ cổ tức	(91.315.000)	(153.208.490)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	-	(760.191.918)
- Lỗ năm trước chuyển sang	(483.127.330)	-
	-	(735.501.935)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận	-	735.501.935
Chi phí thuế TNDN trong năm	-	-

31.2 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng giá trị là 17.027.005.395 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2020 VND
2015	2020	53.072.605.732	(2.415.636.650)	-
2017	2022	13.349.495.720	-	13.349.495.720
2019	2024	3.677.509.675	-	3.677.509.675
		70.099.611.127	(2.415.636.650)	17.027.005.395

Các khoản lỗ tính thuế trên được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 17.027.005.395 đồng do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB)	Ngân hàng mẹ	Thu lãi tiền gửi	6.224.249	7.575.397
		Trả phí ngân hàng	13.292.039	13.274.834
		Chi thuê mặt bằng	1.709.500.747	1.601.343.512
		Tặng tiền gửi của nhà đầu tư	1.251.250.335.004	803.168.999.845
		Giảm tiền gửi của nhà đầu tư	1.231.999.995.885	809.610.068.001
		Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	222.121.290.401	167.079.961.643
		Rút tiền từ tài khoản thanh toán của Công ty	219.888.366.080	166.485.868.532
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	Cổ đông lớn của Ngân hàng mẹ	Thu cổ tức trong năm	12.800	12.400

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm là 934.346.885 đồng (năm trước: 841.064.000 đồng).

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Ngân hàng TMCP Đông Á (DAB)	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi của nhà đầu tư	30.219.816.636	10.969.477.517
		Tiền gửi của Công ty	3.410.779.599	1.177.855.278
		Trả hộ cổ tức cho cổ đông	984.628.858	984.628.858
		Phải trả chi phí thuê mặt bằng	(209.665.605)	(68.800.000)
		Phải trả khác	(30.164.000)	(37.543.247)

32.2 *Thông tin báo cáo bộ phận*

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính sẽ bị thay đổi và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản ứng trước tiền bán cho khách hàng, cho vay ký quỹ chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản ứng trước cho khách hàng và cho vay ký quỹ chứng khoán

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng và cho vay ký quỹ chứng khoán.



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng cho toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND		
Các khoản cho vay	71.355.301.835	-	-	-	-	71.355.301.835
Tài sản tài chính khác	1.318.701.418	-	-	-	57.429.100.100	58.747.801.518
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	-	-	15.252.400.000	15.252.400.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	941.110.537	-	-	-	10.051.631.272	10.992.741.809
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	316.718.726	-	-	-	-	316.718.726
Trả trước cho người bán	34.950.000	-	-	-	-	34.950.000
Cậm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.500.000	-	-	-	-	13.500.000
Các khoản phải thu khác	12.422.155	-	-	-	32.125.068.828	32.137.490.983
	72.674.003.253	-	-	-	57.429.100.100	130.103.103.353

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các tài sản tài chính FVTPL	-	12.886.005.277	-	-	-	12.886.005.277
Cổ phiếu niêm yết	-	2.771.251.650	-	-	-	2.771.251.650
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	10.114.753.627	-	-	-	10.114.753.627
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	342.214.067	-	-	24.556.491.048	24.900.366.348
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	343.875.300	-	-	24.556.491.048	24.900.366.348
Các khoản cho vay	-	-	71.355.301.835	-	-	71.355.301.835
Tài sản tài chính khác	57.429.100.100	-	1.318.701.418	-	-	58.747.801.518
Phải thu bán các tài sản tài chính	15.252.400.000	-	-	-	-	15.252.400.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	10.051.631.272	-	941.110.537	-	-	10.992.741.809
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	-	-	316.718.726	-	-	316.718.726
Trả trước cho người bán	-	-	34.950.000	-	-	34.950.000
Các khoản phải thu khác	32.125.068.828	-	25.922.155	-	-	32.150.990.983
Tiền và các Khoản tương đương tiền	-	8.265.938.770	75.500.000.000	-	-	83.765.938.770
	57.429.100.100	21.495.819.347	148.174.003.253	-	24.556.491.048	251.655.413.748
NỢ TÀI CHÍNH						
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	1.135.837.148	-	-	1.135.837.148
Phải trả người lao động	-	-	1.223.154.328	-	-	1.223.154.328
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	896.362.000	-	-	896.362.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	621.995.548	-	-	621.995.548
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	596.941.605	-	-	596.941.605
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	-	117.094.715	-	-	117.094.715
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	105.006.773	-	-	105.006.773
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	-	-	1.081.004.293	-	-	1.081.004.293
	-	-	5.777.396.410	-	-	5.777.396.410
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	57.429.100.100	21.495.819.347	142.396.606.843	-	24.556.491.048	245.878.017.338

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 1 năm	1.664.262.420	1.007.890.689
Từ 1 đến 2 năm	209.665.605	825.600.000
	1.873.928.025	1.833.490.689

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng làm việc của Công ty tại các địa chỉ:

- số 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- số 8 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Người lập

Bà Lê Thị Như Nguyệt
Kế toán Trưởng



Ông Huỳnh Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

